

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Quý 3 năm 2009

1A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	Số dư đầu quý 3	Số dư cuối quý 3
1	2	3	4
I	Tài sản ngắn hạn	68,248,733,162	75,036,746,349
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	5,232,518,185	2,142,098,325
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	31,082,306,620	42,123,773,236
4	Hàng tồn kho	31,233,620,520	30,081,998,478
5	Tài sản ngắn hạn khác	700,287,837	688,876,310
II	Tài sản dài hạn	30,758,790,244	30,895,905,628
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	14,899,750,598	14,741,066,609
	- TSCĐ hữu hình	14,868,907,268	14,712,863,279
	- TSCĐ vô hình	30,843,330	28,203,330
	- TSCĐ thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5,843,700,000	4,410,000,000
5	Tài sản dài hạn khác	10,015,339,646	11,744,839,019
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	99,007,523,406	105,932,651,977
IV	Nợ phải trả	40,447,402,396	43,232,854,017
1	Nợ ngắn hạn	40,307,423,217	43,092,874,838
2	Nợ dài hạn	139,979,179	139,979,179
V	Nguồn vốn chủ sở hữu	58,560,121,010	62,699,797,960
1	Vốn chủ sở hữu	58,802,455,476	62,992,136,517
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	51,097,420,000	51,097,420,000
	- Thặng dư vốn cổ phần		
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	3,871,574,551	3,851,574,551
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3,833,460,925	8,043,141,966
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-242,334,466	-292,338,557
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-242,334,466	-292,338,557
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG NGUỒN VỐN	99,007,523,406	105,932,651,977

LẬP BIỂU

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2009

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Quý 3 năm 2009

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

(Áp dụng đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, dịch vụ ...)

STT	Nội dung	Kỳ báo cáo	Luỹ kế 9 tháng
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	47 367 885 620	94 043 441 079
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	741 730 833	991 670 825
3	Doanh thu thuần về hàng bán và cung cấp dịch vụ	46 626 154 787	93 051 770 254
4	Giá vốn hàng bán	36 492 822 559	70 645 972 266
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10 133 332 228	22 405 797 988
6	Doanh thu hoạt động tài chính	241 543 700	661 875 451
7	Chi phí hoạt động tài chính	22 717 513	91 582 540
8	Chi phí bán hàng	3 470 358 641	7 686 495 510
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1 797 103 702	4 255 533 043
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5 084 696 072	11 034 062 346
11	Doanh thu khác	28 751 587	30 340 371
12	Chi phí khác	31 246	1 055 574
13	Lợi nhuận khác	28 720 341	29 284 797
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	5 113 416 413	11 063 347 143
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	878 835 372	1 912 739 945
16	Lợi nhuận sau thuế	4 234 581 041	9 150 607 198
17	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	828.73	1790.82
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

Ghi chú: Lợi nhuận 9 tháng 2009 đạt 100,58% kế hoạch cả năm và bằng 132,59% so với cùng kỳ năm 2008

LẬP BIỂU

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2009

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Phạm Thị Thanh

Chu Công Uẩn